

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 51/2022/HS-ST

Ngày: 10-8-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Nhân - Phó Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C.

Ông Phan Quốc Phong - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã HH, huyện C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung N, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1987, tại: thành phố H; Nơi cư trú: a/b/c/d, TĐ, phường e, Quận f, thành phố H; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V (Đã chết) và bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 1961; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020; Anh ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 (Ngày 28-8-2019, bị Tòa án nhân dân Quận f, thành phố H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 12-3-2021); Nhân thân (Ngày 04-11-2003, bị Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố H xử phạt 04 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong án phạt tù và nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 07-10-2009; Ngày 24-4-2008, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản, đã chấp hành xong án phạt tù ngày 03-5-2009 và nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 05-8-2008; Ngày 25-5-2010, bị Tòa án nhân dân Quận g, thành phố H xử phạt 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản, đã chấp hành xong án phạt tù ngày 06-12-2011; Ngày 13-6-2014, bị Tòa án nhân dân Quận f, thành phố H xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật

tài sản, đã chấp hành xong án phạt tù ngày 03-6-2017 và nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 20-7-2015. Các lần phạm tội này đã được xóa án tích); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2022 đến ngày 11-5-2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay; *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

2. Lưu Minh Đ, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2005, tại: tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: số h, MV, phường i, Quận k, thành phố H; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu D, sinh năm: 1961 và mẹ ruột không rõ họ tên; Em ruột có 01 người sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05-5-2022 đến ngày 11-5-2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay; *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lưu Minh Đ*: Ông Lưu D, sinh năm: 1961; Nơi cư trú: số l, đường số m, khu dân cư BH, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Mua bán; Là cha của bị cáo (*Có mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lưu Minh Đ*: Bà Nguyễn Thị Thanh Ph - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (*Có mặt*).

- *Bị hại*: Chị Võ Thị Kha L, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: ấp RC, xã ĐP, huyện C, tỉnh Trà Vinh (*Có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1- Ông Huỳnh Phong P, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: ấp Ch, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh (*Có mặt*);

2- Bà Võ Thị Ngọc L2, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: s/t, HP, phường 9, Quận g, thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 24-4-2022, đối tượng H (chưa rõ tên, địa chỉ) điện thoại cho bị cáo Nguyễn Trung N rủ bị cáo N sáng ngày 25-4-2022 đến tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh để cùng tham gia với nhóm trộm cắp tài sản do H tổ chức thì N đồng ý. Cùng khoảng thời gian trên, đối tượng S (chưa rõ họ tên, địa chỉ) trong nhóm trộm cắp tài sản do H tổ chức điện thoại rủ bị cáo Lưu Minh Đ vào ngày 25-4-2022 đến tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh để cùng tham gia nhóm trộm cắp tài sản do H tổ chức thì Đ đồng ý. Ngay sau đó, bị cáo N điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 59L2 - 294.66, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu xanh (xe do N mượn của người bạn mới quen tên B không rõ họ tên, địa chỉ) từ thành phố Hồ Chí Minh đến thuê nhà nghỉ ở qua đêm tại thành phố Bến Tre (không xác định địa chỉ). Trước khi đi, bị cáo N dùng miếng sếp và keo đen dán làm thay đổi biển số xe (không xác

định biển số đã thay đổi). Còn bị cáo Đ đón xe đồ đến thuê nhà nghỉ ở tại thành phố Bến Tre (không xác định biển hiệu, không cùng nhà nghỉ với bị cáo N).

Đến khoảng 06 giờ, ngày 25-4-2022 như đã hẹn trước, hai bị cáo N và Đ đến một quán cà phê ven đường tại thành phố Bến Tre (không rõ địa chỉ) để gặp đối tượng tên S cùng với các đối tượng tên H, HL, HN, H2, Th (không rõ họ tên, địa chỉ). Tại đây, S rủ cả nhóm đến địa bàn tỉnh Trà Vinh để dàn cảnh trộm cắp tài sản ở khu vực đông dân cư thì tất cả đồng ý. Bị cáo N điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 59L2 - 294.66 chở bị cáo Đ. S một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xanh đen. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng chở H. HN điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Future màu đỏ chở Th. HL một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ. Tất cả các xe không rõ biển số, lưu thông trên Quốc lộ 60 từ hướng thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đi huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi đến ngã ba BP - đoạn thuộc ấp Nguyệt Lăng B, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, thấy khu vực chợ, dân cư đông đúc, thì cả nhóm dừng xe. Lúc này đối tượng Sơn nhìn thấy tại Đại lý vé số “P V” do chị Võ Thị Kha L đang quản lý thì nhanh chóng đi đến quan sát, phát hiện bên trong ngăn tủ quầy bán vé số có tiền, nên S kêu bị cáo N đậu xe đứng chờ, để bị cáo Đ một mình tiếp cận rồi lấy trộm tài sản, các đối tượng còn lại gồm: H, HN, HL, H, Th đậu xe khu vực xung quanh ngã ba BP có nhiệm vụ cảnh giới, cản địa nếu bị người dân phát hiện truy đuổi, thì tất cả đồng ý.

Lợi dụng lúc chị Kha L đang bán vé số cho khách, bị cáo Đ nhanh chóng đi đến quầy vé số, dùng tay kéo ngăn tủ ra (ngăn tủ không khóa), nhanh chóng gom tiền gồm một cọc tiền Việt Nam đồng (có vé số trúng thưởng kèm theo) và một số tiền lẻ bên ngoài (không xác định số lượng) cất giấu vào bên trong cặp da màu đen của bị cáo Đ đang đeo, rồi nhanh chóng lên xe cho bị cáo N điều khiển tẩu thoát về hướng thành phố T.

Trên đường tẩu thoát, cả nhóm vào một quán cà phê ven đường (không rõ tên, địa chỉ). Tại đây, bị cáo Đ đưa cặp da màu đen và toàn bộ số tiền vừa lấy trộm được cho đối tượng S kiểm tra và dò vé số lấy trộm. Sau đó, S thông báo cho cả nhóm biết tài sản bị cáo Đ vừa trộm được hơn ba mươi triệu đồng và một số tờ vé số kiến thiết trúng thưởng (giải bảy, giải tám); S nói chia đều cho mỗi người 4.000.000 đồng, số tiền còn lại là của S. Nói xong, S chia cho bị cáo Đ 4.000.000 đồng và 15 vé số kiến thiết trúng thưởng gồm 11 tờ vé số kiến thiết trúng giải tám (mỗi vé trúng 100.000 đồng) và 04 tờ vé số kiến thiết trúng giải bảy (mỗi vé trúng 200.000 đồng) (không xác định số trúng và đài xổ số). Khi S thông báo số tiền và vé số mà bị cáo Đ lấy trộm được, do lúc này bị cáo N vào quầy gọi nước uống cho đồng bọn, nên không biết số tiền bị cáo Đ lấy trộm là bao nhiêu. Sau đó, đối tượng S chia cho bị cáo N số tiền 2.800.000 đồng và 05 tờ vé số kiến thiết trúng thưởng lô giải tám (mỗi vé trúng 100.000 đồng) (không xác định số trúng và đài xổ số) do bị cáo Đ lấy trộm mà có. Chia tiền xong, cả nhóm giải tán. Bị cáo N điều khiển xe mô tô chở bị cáo Đ về hướng thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến tỉnh Bến Tre, bị cáo Đ

ghé chơi tại đây và đổi hết vé số trúng thưởng từ người bán vé số dạo ven đường được 1.900.000 đồng. Còn bị cáo N điều khiển xe mô tô về thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi, bị cáo N đổi hết vé số trúng thưởng được 500.000 đồng và tháo miếng sếp keo đen của biển số xe đã dán trước đó. Số tiền được chia từ đồng bọn lấy trộm mà có, hai bị cáo N và Đ đã tiêu sài cá nhân hết.

Đến ngày 05-5-2022, bị cáo N và bị cáo Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đầu thú. Qua điều tra xác định số tiền mà các bị cáo đã trộm được tại Đại lý vé số P V vào ngày 25-4-2022 là 52.970.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, hai bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng với đồng bọn. Quá trình điều tra, bị cáo N và bị cáo Đ còn khai nhận, trước khi cùng đồng bọn thực hiện vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C như nêu trên, các bị cáo còn cùng đồng bọn thực hiện một vụ trộm cắp tài sản (trộm tiền) tại khu phố n, phường AH, thành phố B, tỉnh Bến Tre cùng ngày 25-4-2022. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã gửi công văn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 13-5-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định trưng cầu giám định số 51/QĐ-ĐCSHS-KTMT về giám định tuổi của bị cáo Đ. Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2780/C09B ngày 16-5-2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *Quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 05 năm 2022) Lưu Minh Đ có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng.*

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ: 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 59L2 - 294.66, nhãn hiệu Honda, số loại ViSon, màu xanh, số khung RLHJF5803EY567462, số máy JF58E0453246; 01 nón bảo hiểm màu đen (loại nón thể thao); 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen, màn hình cảm ứng, bị hư hỏng nhiều nơi, số IMEI 1: 869014043977215/98, số IMEI 2: 869014044677210/98, máy gắn 02 thẻ sim, số thuê bao 0933181401 và 0565606862; 01 cặp bằng da, màu đen có dây đeo, trên cặp có chữ TOMMY; 01 mũ bảo hiểm màu trắng trên mũ có chữ PIAGGIO; 01 áo khoác tay dài màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 354402101881670/01, số IMEI 2: 354403101881678/01.

Đối với các đối tượng H, S, HL, HN, H2, Th, do bị cáo N và bị cáo Đ trình bày không rõ họ tên, địa chỉ, nên chưa xác minh làm việc được, sẽ tiến hành xử lý sau.

Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 59L2 - 294.66 qua xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do bà Võ Thị Ngọc L2 đứng tên chủ sở hữu. Nhưng qua xác minh bà L2 không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Về nguồn gốc xe do bị cáo N trình bày mượn của bạn tên B không rõ họ tên, địa chỉ, nên không tiến hành làm việc được.

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKS-HS ngày 11-7-2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố Nguyễn Trung N và Lưu Minh Đ cùng về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trung N, Lưu Minh Đ có mặt đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như đã nêu trong Bản cáo trạng và đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại. Đối với người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ, người bào chữa cho bị cáo Đ, bị hại chị Võ Thị Kha L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phong P có mặt; Chị L và ông P xác định vẫn giữ nguyên các lời khai có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu hai bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 52.970.000 đồng cho chị L nhận. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc L2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trung N, Lưu Minh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Vì đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về Điều luật và mức hình phạt:

+ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 05-5-2022.

+ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Minh Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 05-5-2022.

- Đề nghị giải quyết trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo N và Đ liên đới bồi thường số tiền 52.970.000 đồng cho bị hại là chị Võ Thị Kha L nhận.

- Đề nghị xử lý vật chứng:

+ Giao lại cho bị cáo Nguyễn Trung N (là người được chủ sở hữu tài sản giao quản lý hợp pháp tài sản) 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 59L2 - 294.66, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu xanh, số khung RLHJF5803EY567462, số máy JF58E0453246, nhưng do bị cáo N đang bị tạm giam, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tiếp tục quản lý tài sản.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu đen (loại nón thể thao); 01 cặp bằng da, màu đen có dây đeo, trên cặp có chữ TOMMY; 01 mũ bảo hiểm màu trắng trên mũ có chữ PIAGGIO; 01 áo khoác tay dài màu đen.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen, màn hình cảm ứng, bị hư hỏng nhiều nơi, số IMEI 1: 869014043977215/98, số IMEI 2: 869014044677210/98, máy gắn 02 thẻ sim, số thuê bao 0933181401 và 0565606862.

+ Trả lại cho bị cáo Lưu Minh Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 354402101881670/01, số IMEI 2: 354403101881678/01 (Do không liên quan đến hành vi phạm tội), nhưng cần tiếp tục quản lý điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

- Đề nghị buộc các bị cáo N, Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lưu Minh Đ trình bày: Vị hoàn toàn thống nhất hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố đối với bị cáo Đ; Thống nhất với quan điểm đề nghị của Vị Kiểm sát viên về giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí. Nhưng Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo Đ với các tình tiết giảm nhẹ là: Bị cáo đầu thú; Sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Đ phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên nhận thức còn hạn chế; Không có tiền án, tiền sự. Do bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã tranh luận đối đáp với nhau, sau cùng mỗi người giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là: Bị cáo Nguyễn Trung N và bị cáo Lưu Minh Đ xin lỗi người bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc L2 vắng mặt không lý do theo triệu tập hợp lệ của Tòa án. Qua xác minh làm rõ trong hồ sơ vụ án thì bà L2 đã bỏ khỏi địa phương mà không rõ nơi cư trú hiện nay. Xét việc vắng mặt của bà L2 không gây cản trở cho việc xét xử, nên căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Võ Thị Ngọc L2.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trung N, Lưu Minh Đ cùng khai nhận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25-4-2022, tại Đại lý vé số P V, tọa lạc tại ấp NLB, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh, hai bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm tiền và vé số kiến thiết trúng thưởng do chị Võ Thị Kha L đang quản lý, giá trị tài sản bị lấy trộm là 52.970.000 đồng. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Trung N, Lưu Minh Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét thấy Bản cáo trạng số 41/CT-VKS-HS ngày 11-7-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Trung N, Lưu Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định pháp luật, không oan, không sai.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bởi, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, tư trang, tiền bạc,... phải do quá trình lao động vất vả tạo lập mới có được. Các bị cáo là những thanh niên có sức khỏe. Đối với bị cáo N đủ khả năng lao động để tạo ra thu nhập hợp pháp phục vụ nhu cầu sống bản thân và gia đình, nhưng không tích cực lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra sức lao động; Đối với bị cáo Đ phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi do ham chơi, đua đòi, muốn có tiền tiêu sài nhanh chóng, mà hai bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[6] Tội phạm do các bị cáo đã thực hiện là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Và mọi hành vi xâm hại này phải bị pháp luật nghiêm trị. Bản thân hai bị cáo đều nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, mà vẫn cố ý phạm tội, hậu quả đã xảy ra, tội phạm đã hoàn thành. Bản thân bị cáo N có 04 lần phạm tội (Một lần về tội mua bán trái phép chất ma túy; Ba lần về tội Cướp giật tài sản) và có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo vẫn không hướng thiện sửa chữa lỗi lầm, để trở thành người tốt, có ích cho xã hội, có lợi cho gia đình, mà vẫn cố ý phạm tội. Đối với bị cáo Đ phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhưng bị cáo tán thành, tích cực cùng với bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội, là người trực tiếp lén lút lấy trộm tài sản của bị hại.

[7] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Bị cáo N và bị cáo Đ có sự thống nhất với nhau khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo N là người giúp sức (điều khiển xe mô tô chở bị cáo Đ). Còn bị cáo Đ là người thực

hiện (trực tiếp trộm tài sản của bị hại). Sau khi chiếm đoạt được tài sản, được phân chia tài sản, thì hai bị cáo đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

[8] Hành vi của hai bị cáo N và Đ thể hiện thái độ rất xem thường pháp luật, đối với bị cáo N thuộc thành phần khó cải tạo. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử lý các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của các bị cáo và tính chất của vụ án, nhằm giáo dục các bị cáo, cũng để răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[9] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo, Hội đồng xét xử đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ là: Các bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội; Sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Riêng bị cáo N có mẹ già và 03 con còn nhỏ; Riêng bị cáo Đ chưa có tiền án, tiền sự, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi (có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng), nên nhận thức chưa đầy đủ, bị các đối tượng xấu lôi kéo, tác động phạm tội.

[10] Về trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại tài sản: Xét thấy để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án khi án có hiệu lực và phù hợp với quy định pháp luật, buộc các bị cáo Nguyễn Trung N, Lưu Minh Đ phải liên đới bồi thường cho bị hại chị Võ Thị Kha L số tiền là 52.970.000 đồng.

[11] Về vật chứng của vụ án:

Đối với: 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 59L2 - 294.66, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu xanh, số khung RLHJF5803EY567462, số máy JF58E0453246. Qua xác minh, xe do bà Võ Thị Ngọc L2, địa chỉ cư trú tại số s/t, HP, phường 9, Quận g, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên giấy đăng ký xe, nhưng hiện bà L2 không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu và làm gì. Về nguồn gốc xe, bị cáo N khai mượn của người bạn tên B không rõ họ tên, địa chỉ để làm phương tiện đi lại hàng ngày, không nói cho B biết sử dụng xe đi trộm cắp tài sản. Do không xác định được chủ sở hữu xe, không có yêu cầu của chủ sở hữu tài sản, nên không có căn cứ để giải quyết xe. Do đó, cần giao xe này lại cho bị cáo N quản lý để giữa bị cáo với chủ sở hữu tài sản giải quyết với nhau và được quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án khi có tranh chấp. Và do hiện nay bị cáo N đang bị tạm giam, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tiếp tục quản lý xe cho đến khi bị cáo chấp hành xong án phạt tù thì giao xe lại cho bị cáo quản lý.

Đối với: 01 nón bảo hiểm màu đen (loại nón thể thao). Được bị cáo Nguyễn Trung N sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen, màn hình cảm ứng, bị hư hỏng nhiều nơi, số IMEI 1: 869014043977215/98, số IMEI 2: 869014044677210/98, máy gắn 02 thẻ sim, số thuê bao 0933181401 và 0565606862. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung N xác định đã sử dụng điện thoại này để liên lạc trao đổi nội dung về thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên cần tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 mũ bảo hiểm màu trắng trên mũ có chữ PIAGGIO; 01 cặp bằng da, màu đen có dây đeo, trên cặp có chữ TOMMY; 01 áo khoác tay dài màu đen. Được bị cáo Lưu Minh Đ sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 354402101881670/01, số IMEI 2: 354403101881678/01. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo Lưu Minh Đ, không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản, nên giao trả lại cho bị cáo, nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án.

[12] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Trung N và bị cáo Lưu Minh Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với các đối tượng H, S, HL, HN, H2, Th, do các bị cáo N, Đ xác định chỉ biết tên gọi, ngoài ra không rõ họ tên và địa chỉ cư trú của những người này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện chưa xác minh làm việc được, nên sẽ xử lý sau.

[14] Đối với hành vi trộm tiền của hai bị cáo N và Đ cùng đồng bọn thực hiện tại khu phố n, phường AH, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 25-4-2022, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý theo thẩm quyền.

[15] Từ những nhận định trên, quan điểm đề nghị của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lưu Minh Đ có căn cứ để chấp nhận phần phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung N và bị cáo Lưu Minh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.
- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 05-5-2022.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lưu Minh Đ 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 05-5-2022.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung N và bị cáo Lưu Minh Đ liên đới bồi thường cho bị hại chị Võ Thị Kha L số tiền là 52.970.000 đ (Năm mươi hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Giao lại 01 (Một) xe mô tô mang biển kiểm soát 59L2 - 294.66, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu xanh, số khung RLHJF5803EY567462, số máy JF58E0453246 cho bị cáo Nguyễn Trung N quản lý để giữa bị cáo với chủ sở hữu xe giải quyết với nhau. Trường hợp có tranh chấp, được quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án. Và do bị cáo N đang bị tạm giam nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tiếp tục quản lý xe đến khi bị cáo chấp hành án xong thì giao xe lại cho bị cáo.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (Một) mũ bảo hiểm màu trắng trên mũ có chữ PIAGGIO; 01 (Một) cặp bằng da, màu đen có dây đeo, trên cặp có chữ TOMMY; 01 (Một) áo khoác tay dài màu đen; 01 (Một) nón bảo hiểm màu đen (loại nón thể thao).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen, màn hình cảm ứng, bị hư hỏng nhiều nơi, số IMEI 1: 869014043977215/98, số IMEI 2: 869014044677210/98, máy gắn 02 thẻ sim, số thuê bao 0933181401 và 0565606862.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Minh Đ: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 354402101881670/01, số IMEI 2: 354403101881678/01, nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung N nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.324.000 đ (Một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lưu Minh Đ nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.324.000 đ (Một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bị cáo và người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo